

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Trần

Ông Lâm Văn Bảy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị M**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** (có mặt).

Bị đơn: Anh **Chu Kim T**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị **Lưu Thị M** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh **Chu Kim T** kết hôn với nhau ngày 03/05/2012, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** trên cơ sở tự nguyện và được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại nhà anh **T** ở **thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh **T** có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị nhiều lần,

vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không chia sẻ với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Chu Kim T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 02 con chung là cháu **Chu Thị Kim N**, sinh ngày 26/8/2012 và cháu **Chu Kim H**, sinh ngày 14/3/2018, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh **T**. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị đề nghị anh **T** tiếp tục nuôi con chung, chị cấp dưỡng nuôi con chung 2 triệu đồng/ tháng để nuôi hai cháu.

Tại phiên tòa chị **M** đề nghị được trực tiếp nuôi cháu **Chu Thị Kim N**, sinh ngày 26/8/2012, anh **T** được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Chu Kim H**, sinh ngày 14/3/2018; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Chị **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn **Chu Kim T** được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lời khai và không có ý kiến gì đối với việc chị **M** xin ly hôn.*

Lời khai của ông **Chu Kim H1** (bố đẻ anh **T**) trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng của anh **T** và chị **M** đúng như chị **M** đã trình bày: Vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại anh **T** đi làm dưới Hà Nội, không thường xuyên về nhà: Tòa án có gửi giấy triệu tập, thông báo đến cho anh **T**, ông là người nhận và đều thông báo đến cho anh **T** nhưng do anh **T** đi làm không đến Tòa án để làm việc. Việc chị **M** xin ly hôn anh **T** ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị **Lưu Thị M** được ly hôn anh **Chu Kim T**; về con chung: Giao cho chị **M** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Chu Thị Kim N**, sinh ngày 26/8/2012, anh **T** được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Chu Kim H**, sinh ngày 14/3/2018; anh **T**, chị **M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị **M** phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị **Lưu Thị M** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Chu Kim T**; chị **M** và anh **T** đều cư trú tại **xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lưu Thị M** và anh **Chu Kim T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** ngày 03/5/2012, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn như đương sự trình bày. Hiện tại vợ chồng chị **M**, anh **T** đã không còn sống chung. Nay thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này được nữa nên chị **M** làm đơn xin ly hôn với anh **T**. Xét thấy: Chị **M**, anh **T** đã không còn sống chung với nhau, không còn ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được Thấy rằng, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không hạnh phúc và không đạt được mục đích nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **M** được ly hôn với anh **T**.

[3]. Về con chung: Chị **M** và anh **T** có 02 con chung là cháu **Chu Thị Kim N**, sinh ngày 26/8/2012 và cháu **Chu Kim H**, sinh ngày 14/3/2018, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh **T**. Tại phiên tòa chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **N**; anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **H**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **M** hiện làm công nhân, lương bình quân 8.000.000 đồng/ tháng; cháu **N** có nguyện vọng được ở với chị nên chị thay đổi yêu cầu đề nghị được nuôi cháu **N**. Xét thấy việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Cần giao cho **M** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chăm sóc, giáo dục cháu **N**; anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **H**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Chị **M** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị **Lưu Thị M** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị **Lưu Thị M** được ly hôn với anh **Chu Kim T**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Lưu Thị M** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Chu Thị Kim N**, sinh ngày 26/8/2012; anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Chu Kim H**, sinh ngày 14/3/2018; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Chị **Lưu Thị M** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001760 ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị **M** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Hồng Quý

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Sỹ Toàn

Trần Xuân Ngọc

Trần Thị Hồng Quý